

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152 /2022/HS-ST

Ngày 08/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH PHÚ THỌ

- Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Trụ

2. Ông Lê Minh Tranh

- Thư ký Phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia Phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 140/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/QĐXXST-HS ngày 31/10/2022, Quyết định hoãn Phiên tòa số: 44/QĐHPT ngày 18/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 23/8/1996 tại thành phố P, tỉnh V; Nơi ĐKKHKT: Tổ Y 1, phường X, thành phố P, tỉnh V; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh V; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà Vũ Thị L2; có chồng và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam (do đang nuôi con nhỏ). Ngày 25/7/2022 khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã C, thành phố P, tỉnh V, có mặt.

2. Hoàng Tuấn A, sinh ngày: 03/5/1997 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKKHKT: Khu H, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn H và con bà Lê Thị V; chưa có vợ và con; Tiền án: 01 tiền án: Tại Bản án số 17/2022/HSST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ph xử phạt Tuấn A 14 tháng tù về tội trộm cắp số tiền 20.000.000đ, tính từ ngày T đi chấp hành án; buộc Tuấn A phải trả lại 20.000.000đ cho chị Nguyễn Thị H; buộc Tuấn A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ tiền

án phí dân sự trong vụ án hình sự; Tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Ngày 25/7/2022, khởi tố bị cáo. Hiện bị cáo là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Yên Hạ - Cục C10 – Bộ Công an, có mặt.

* *Bị hại:* Ông Hạ Văn Đ, sinh năm 1954.

ĐKKHKT: Tổ 46, phố T, phường T2, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lê Hoàng A, Sinh năm 1994

Địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2022, Nguyễn Thị L, sinh năm 1996. HKTT: Phường Y 1, thành phố P, tỉnh V có nhu cầu thuê nhà để ở trên địa bàn thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Qua tìm hiểu, L biết ông Hạ Văn Đ, sinh năm 1954. HKTT: Tổ 46, phố T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có nhà ở phường G, thành phố V cho thuê. L đã liên hệ với ông Đ để xem nhà và thống nhất thuê nhà với giá 9.000.000đ/ 1 năm. Đến sáng ngày 08/6/2022, L gọi điện cho ông Đ và hẹn đến nhà ông Đ để ký hợp đồng thuê nhà. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, L cùng Hoàng Tuấn A, sinh năm 1997. HKTT: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng bé cháu Hoàng Minh Đức, sinh năm 2021 (là con của L) bắt xe khách từ thành phố Vĩnh Yên, tỉnh V đến thành phố V. Khi đi đến gần chợ Trung tâm thành phố V, L, Tuấn A bé cháu Đức xuống xe và cùng đi bộ đến nhà ông Đ. Khoảng 12 giờ cùng ngày, L vào nhà ông Đ, còn Hoàng Tuấn A bé cháu Đức đợi L ở ngoài cách nhà ông Đ khoảng 100m. Sau khi vào nhà ông Đ, L ngồi chờ tại phòng khách. L quan sát thấy nhà ông Đ có dựng 02 chiếc xe mô tô, 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 19K1 - 3069 dựng ở bên trong gần cửa ra vào, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 19B1 - 512.20 dựng ở bên ngoài sân. L thấy trên tường trong phòng khách có treo 01 chùm chìa khoá, có gắn khoá bấm, L đoán đây là khoá của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode nên L nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 10 phút sau, ông Đ xuống đưa cho L hợp đồng thuê nhà. Do không biết chữ nên L nói với ông Đ để L mang hợp đồng đi đánh máy. Ông Đ đồng ý. Sau đó, ông Đ đi lên tầng. L quan sát thấy không có người nên đi đến vị trí dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode thử nổ máy nhưng không được. L đi ra khỏi nhà ông Đ, đến chỗ Tuấn A đang chờ. L nói với Tuấn A: “Em thấy con xe SH để ở ngoài, em đang cầm chìa khoá xe. Em lấy nhé”. Tuấn A nói “Cẩn thận ở đây có camera, kẻo họ biết đấy”. L nói “Kệ, em vẫn lấy”. Hoàng Tuấn A không nói gì. Sau đó, L gọi điện cho ông Đ hỏi: “chú có khâu trang không? Cho cháu xin cái”, rồi L quay lại nhà ông Đ mục đích để trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 19B1 - 512.20. Khi quay lại nhà ông Đ, L thấy bà Nguyễn Thị Thuyết, sinh năm 1958 ở tổ 46, khu T, phường T, thành

phố V, tỉnh Phú Thọ (là vợ của ông Đ) đang phơi bã mía ở bên đường đối diện với nhà ông Đ. L đến vị trí của bà Thuyết và nói “cháu ở đây đợi bạn đón”. Sau đó, bà Th đi vào trong nhà. L đi theo và đợi bà Thuyết vào nhà, L tiếp tục đến vị trí chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Mode BKS: 19B1-512.20, ngồi lên xe, và vặn ổ khoá điện. L ngồi trên xe lùi xe xuống đường, gặp hai cháu của ông Đ là cháu Hà Trúc Đan P, sinh năm 2014 trú tại tổ 46, khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và Đỗ Mạnh S, sinh năm 2014. HKTT: Phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đang chơi trước cửa nhà, L nói “cô mượn xe của ông tí” rồi điều khiển xe đến nơi Hoàng Tuấn A đang chờ. L chở Hoàng Tuấn A và cháu Hoàng Minh Đức ngồi sau. Khi đi được khoảng 05 km do trời mưa nên L dừng lại mua áo mưa và mũ bảo hiểm. L nói Tuấn A tháo bỏ gương xe máy cho vào trong cốp xe. Sau đó, Tuấn A điều khiển xe chở L và cháu Đức về huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trên đường đi, L hỏi Tuấn A “có biết chỗ nào cầm cố xe không?”. Tuấn A nói “về trên đây mới biết được”. Tuấn A chở L và con trai đến nhà bạn là Ngô Huy Hoàng, sinh năm 1996. HKTT: Xã Văn M, huyện T, tỉnh Phú Thọ để ở nhờ. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, L nói Tuấn A mang chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi cầm cố nhưng Tuấn A không đồng ý. L nói, không đi cầm cố thì không có tiền và giục Tuấn A mang xe đi cầm cố. Tuấn A liên hệ với bạn là Hà Văn P, sinh năm 1994. HKTT: Khu Dẹ 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ hỏi có chỗ nào cầm cố xe hoặc vay tiền. P nói với Tuấn A không biết chỗ nào cầm cố xe và hỏi lý do cần tiền thì Tuấn A trả lời cần tiền chăm con. P nói nhờ bạn P cho Tuấn A vay tiền. P giới thiệu và cho Tuấn A số điện thoại của Lê Hoàng Anh, sinh năm 1994. HKTT: Xã Đ, huyện Th, tỉnh Phú Thọ hiện ở khu Dẹ 1, xã V2, huyện T, tỉnh Phú Thọ để Tuấn A liên hệ, đồng thời P cũng nói với Lê Hoàng Anh về việc có người bạn là Hoàng Tuấn A đang khó khăn, hỏi Lê Hoàng Anh cho Tuấn A vay tiền. Lê Hoàng Anh đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, Tuấn A gọi điện cho Lê Hoàng Anh, giới thiệu là bạn của P nên Lê Hoàng Anh nói Tuấn A đến gặp và sẽ cho vay số tiền là 6.000.000đ. Sau đó, Tuấn A điều khiển xe mô tô SH Mode BKS: 19B1-512,20 đến gặp Hoàng Anh ở gần chợ V2, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, Hoàng Anh đưa cho Tuấn A vay số tiền 6.000.000đ và nói với Tuấn A ký giấy vay tiền, do quen biết với P nên không tính lãi. Do chiếc xe mô tô BKS: 19B1- 512.20 là xe trộm cắp nên Tuấn A không muốn sử dụng nên nhờ Hoàng Anh cho để nhờ xe tại nhà của Hoàng Anh, hẹn 01 tuần sau sẽ đến lấy. Sau đó, Tuấn A đi về nhà và đưa cho L số tiền 6.000.000đ. Do cần thêm tiền chi tiêu nên ngày 10/6/2022, L gọi điện thoại cho P nhờ vay thêm 2.000.000đ. P nhờ Hoàng Anh cho L vay tiền, Hoàng Anh đồng ý nhưng nói phải có giấy tờ tùy thân để làm tin. L đồng ý và mang thẻ căn cước công dân của L đến gặp Hoàng Anh để vay tiền. Hoàng Anh đã nhờ bạn là Hoàng L2, sinh năm 1992. HKTT: Xóm Văn Lâm, xã V2, huyện T, tỉnh Phú Thọ đưa cho L số tiền 2.000.000đ. Sau đó Tuấn A cầm 2.000.000đ về đưa cho L. L, Tuấn A đã tiêu hết số tiền 8.000.000đ.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Hạ Văn Đ đã trình báo với Công an phường T về việc mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 19B1-512.20, cùng ngày Công an phường T đã chuyển vụ việc trên cho Cơ quan điều tra Công an thành phố V để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành một số hoạt động điều tra. Đến ngày 25/7/2022, Cơ quan điều tra Công an thành phố V có căn cứ xác định được Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A là đối tượng trộm cắp chiếc xe trên.

Ngày 15/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã tạm giữ: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20 và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L của anh Lê Hoàng A giao nộp.

Ngày 15/6/2022, Cơ quan điều tra đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 59 đối với 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20. Tại kết luận định giá tài sản số 339/2022/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: Giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH mode, màu vàng nâu, xe đã qua sử dụng có giá là 48.500.000đ.

Quá trình điều tra, L và Tuấn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình ở tại nhà ông Đ như đã nêu ở trên.

Trong vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V xác định: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20 là của ông Hạ Văn Đ. Ngày 26/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật. Ông Đ đã nhận tài sản và không có ý kiến gì. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L cho chủ sở hữu hợp pháp.

Ngày 20/6/2022, tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, Nguyễn Thị L đã tự nguyện trả cho Lê Hoàng Anh số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), Lê Hoàng Anh đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với việc Lê Hoàng Anh cho Hoàng Tuấn A vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Do Hoàng Tuấn A có quen biết với P nên Lê Hoàng Anh cho Hoàng Tuấn A vay tiền. Bản thân Lê Hoàng Anh không nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà Tuấn A trộm cắp được và ngày 10/6/2022, Lê Hoàng Anh tiếp tục cho Tuấn A vay thêm 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và yêu cầu Tuấn A phải có căn cước để làm tin. Tổng số tiền Hoàng Tuấn A vay của Lê Hoàng Anh là 8.000.000đ, đồng thời Lê Hoàng Anh không biết chiếc xe mô tô trên là do Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Hà Văn P, Hoàng L2 và Ngô Huy H do không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Sh Mode BKS: 19B1 - 512.20 là do Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 132/CT-VKS-VT ngày 23/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố V để xét xử đối

với các bị cáo Nguyễn Thị L, Hoàng Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 21 (Hai mươi một) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tuấn A từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 8/12/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Tuấn A.

* Về xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L cho chủ sở hữu hợp pháp.

Xác nhận Cơ quan Công an đã trả lại 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20 là của ông Hạ Văn Đ mà bị cáo L và Tuấn A đã trộm cắp cho ông Hạ Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng ®. Nếu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố ®úng, khẳng định rõ ràng sai. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại Phiên tòa, phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 08/6/2022 tại tổ 46, phố Tiên Dung, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Thị L, Hoàng Tuấn A đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 19B1 - 512.20 đã qua sử dụng trị giá 48.500.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Hạ Văn Đ.

Căn cứ vào các tài liệu pháp lý có trong hồ sơ vụ án đã nêu căn cứ ®ến các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hành vi đó cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với mỗi hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và để răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét về nhân thân, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị L không phải chịu tình tiết tăng nặng nào trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Tuấn A có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “ Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại Tòa án hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cả bị cáo L và Tuấn A đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo. Sau khi xem xét nhân thân, đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với bị cáo L là người giữ vai trò trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, giá trị tài sản trộm cắp là lớn. Tuổi đời bị cáo còn trẻ có sức khỏe nhưng không tu chí làm ăn. Bị cáo Tuấn A là đồng phạm với vai trò giúp sức cho hành vi trộm cắp của L. Lần phạm tội này của bị cáo Tuấn A là tái phạm cho thấy bị cáo chưa ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn cả thời gian chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên quá trình điều tra xác minh các bị cáo không có tài sản gì riêng có giá trị nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo lục phí hip .

[6] Về tổng hợp hình phạt: Tại Bản án số 17/2022/HSST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xử phạt Tuấn A 14 tháng tù về tội trộm cắp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tính từ ngày Tuấn A đi chấp hành án; Tại bản án này bị cáo đã đi chấp hành án từ ngày 25/6/2022 nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L, xác nhận Cơ quan đã trả cho bị cáo L là chủ sở hữu hợp pháp xét thấy là phù hợp.

Đối với 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20 là của ông Hạ Văn Đ mà bị cáo L và Tuấn A đã trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả cho ông Hạ Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp, ông Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc Lê Hoàng Anh cho Hoàng Tuấn A vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) do Hoàng Tuấn A có quen biết với P nên Lê Hoàng A cho Hoàng Tuấn A vay tiền. Bản thân Lê Hoàng Anh không nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà Tuấn A trộm cắp được. Ngày 10/6/2022, Lê Hoàng A tiếp tục cho Tuấn A vay thêm

2.000.000đ (Hai triệu đồng) và yêu cầu Tuấn A phải có căn cước để làm tin. Tổng số tiền Hoàng Tuấn A vay của Lê Hoàng Anh là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), đồng thời Lê Hoàng A không biết chiếc xe mô tô trên là do Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) Lê Hoàng Anh đã cho bị cáo Hoàng Tuấn A vay ngày 20/6/2022, tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố V, Nguyễn Thị L đã tự nguyện trả cho Lê Hoàng A số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Lê Hoàng Anh đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hà Văn P, Hoàng L2 và Ngô Huy Hoàng do không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS: 19B1 - 512.20 là do Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Tuấn A; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tuấn A 18 (Mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 14 (Mười bốn) tháng tù của Bản án số 12/HSST ngày 18/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 25/6/2022 đến 7/12/2022. Thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A.

* Về vật chứng vụ án:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L theo biên bản về việc trả lại tài tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 26/7/2022.

Xác nhận Cơ quan Công an đã trả lại 01 chiếc mô tô nhãn hiệu SH Mode BKS: 19B1-512.20 cho ông Hạ Văn Đ theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 26/7/2022.

*Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L và Hoàng Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP V;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CA TP V, tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP.V, tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

Nguyễn Cẩm Vân

